

**CÔNG TY TNHH UNIVERSE VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH UNIVERSE VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UNIVERSE VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: UNIVERSE VINA CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110452979

**3. Ngày thành lập:** 16/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 1302, Ngõ 35, Phố Cửu Việt, Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 033212682

Fax:

Email: sahanranatunga@universevina.com Website: com

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoa và cây<br>- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)                                                                       | 4620        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                  | 4632        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                               | 4641        |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                  | 4669        |
| 5.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                                      | 0150        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                       | 0161        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                    | 0163        |
| 8.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                      | 0164        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>(Loại trừ Hoạt động dịch vụ báo cáo toà án, loại trừ hoạt động đấu giá, Loại trừ dịch vụ lấy lại tài sản) | 8299(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Căn cứ Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản số: 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014)<br>Loại trừ: đấu giá bất động sản        | 6810 |
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất (Căn cứ Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản số: 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014)<br>(Loại trừ: đấu giá bất động sản) | 6820 |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến trang phục, hàng hóa thời trang                                                                                                                                               | 7410 |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                            | 4690 |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                           | 4721 |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4722 |
| 16. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                      | 1392 |
| 17. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                    | 1393 |
| 18. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                      | 1399 |
| 19. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                              | 1410 |
| 20. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                                                                                                                                                     | 2021 |
| 21. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                    | 4782 |
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)                                                                                                                                                                          | 5210 |
| 23. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                            | 5224 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                            | 5610 |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                    | 5621 |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                        | 5629 |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                     | 5630 |
| 28. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                             | 4751 |
| 29. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                            | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184022908

Ngày cấp: 26/06/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 31 Ha, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 31 Ha, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: KIRIWANDALA DURAGE SAHAN  
PRIYADARSHANA RANATUNGA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/05/1978

Dân tộc: Quốc tịch:

Sri Lanka

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: N6818278

Ngày cấp: 23/09/2016

Nơi cấp: Bộ ngoại giao

Địa chỉ thường trú: No.34, Đường Rawathawatta, Moratuwa, Colombo, Sri Lanka

Địa chỉ liên lạc: Vinhomes Bắc Ninh, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội